

Bản án số: 74/2021/DS-ST  
Ngày: 19-11-2021  
V/v “*Tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Mỹ Linh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Hòa

2. Ông Huỳnh Văn Tý

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Lâm Trí Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn tham gia phiên tòa:*** Bà Phan Thị Dáng Hương – Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 67/2021/TLST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2021, về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 154/2021/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 6 năm 2021; Thông báo mở lại phiên tòa xét xử vụ án số 286/TB-TA ngày 08/10/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 197/2021/QĐST-DS ngày 27 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Trúc T, sinh năm 1980 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp PhT, xã TP, huyện ThS, tỉnh An Giang

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1976 và bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1984 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp PH, xã TP, huyện ThS, tỉnh An Giang

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Trúc T trình bày:*

Ngày 25/6/2020 (âm lịch), ông Nguyễn Văn T1 và bà Nguyễn Thị D có vay của bà T số tiền 193.000.000 đồng. Khi vay hai bên có làm biên nhận viết tay và hẹn đến

mùa lúa sẽ trả. Tuy nhiên, đến hạn ông T1 bà D không T toán nợ nên bà T có đến nhà và điện thoại để yêu cầu trả nợ thì ông T1 bà D hứa sẽ trả từ từ nhưng không thực hiện, cố tình né tránh không trả đến nay. Do đó, bà Nguyễn Thị Trúc T khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn T1, bà Nguyễn Thị D trả số tiền 193.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật từ ngày vay (25/6/2020 – âm lịch) đến khi Tòa án xét xử.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập họp lệ ông Nguyễn Văn T1, bà Nguyễn Thị D để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông T1 bà D vắng mặt không rõ lý do, nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông T1 bà D cũng như không tiến hành hòa giải được.

Tòa án ban hành thông báo về việc thu thập được tài liệu, chứng cứ và đã thông báo cho ông T1 bà D biết để thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình nhưng ông T1 bà D không có ý kiến.

Tại phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Trúc T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông Nguyễn Văn T1 và bà Nguyễn Thị D có trách nhiệm trả số tiền vay là 193.000.000 đồng và tự nguyện rút yêu cầu tính lãi.

Để bảo đảm tài sản T1 hành án bà T yêu cầu tiếp tục duy trì việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời về việc yêu cầu phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ theo đơn yêu cầu ngày 01/4/2021. Đối tượng yêu cầu là quyền sử dụng đất diện tích 438,1m<sup>2</sup>, thửa số 24, tờ bản đồ số 27 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1304/fH, số phát hành: 431982; đất tọa lạc tại ấp PH, xã TP, huyện ThS, tỉnh An Giang do Ủy ban nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang cấp ngày 17/5/2012 cho ông Nguyễn Văn T1, bà Nguyễn Thị D.

Ông Nguyễn Văn T1, bà Nguyễn Thị D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thông báo mở lại phiên tòa xét xử vụ án và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi. Ông Nguyễn Văn T1, bà Nguyễn Thị D vắng mặt lần thứ hai không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Trúc T. Buộc ông Nguyễn Văn T1, bà Nguyễn Thị D có nghĩa vụ trả tiền nợ gốc là 193.000.000 đồng và đình chỉ đối với yêu cầu tính lãi do nguyên đơn tự nguyện rút yêu cầu.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*[1] Về tố tụng:*

Về xác định quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết và tư cách tham gia tố tụng: Bà Nguyễn Thị Trúc T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Văn T1, bà Nguyễn Thị D trả số tiền vay theo biên nhận ngày 25/6/2020 (âm lịch), vì vậy quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Ông Nguyễn Văn T1, bà Nguyễn Thị D có nơi cư trú: Ấp PH, xã TP, huyện ThS, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang thụ lý vụ án dân sự và giải quyết là đúng quy định tại Điều 35, Điều 36 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 74 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xác định bà Nguyễn Thị Trúc T là nguyên đơn, ông Nguyễn Văn T1, bà Nguyễn Thị D là bị đơn.

Về việc vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn là ông Nguyễn Văn T1, bà Nguyễn Thị D vắng mặt không lý do; đồng thời, ông T1 bà D đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không lý do. Như vậy, ông T1 bà D đã tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng của mình. Do đó, vụ án được xem là không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

*[2] Về nội dung tranh chấp:*

[2.1] Về đánh giá chứng cứ: Ông Nguyễn Văn T1, bà Nguyễn Thị D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án hoặc có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Trúc T và cũng không cung cấp cho Tòa án tài liệu chứng cứ để thể hiện việc phản bác hay chấp nhận đối với yêu cầu của bà T. Vì vậy, theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án sẽ căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do bà T giao nộp và chứng cứ do Tòa án thu thập được để giải quyết vụ án.

[2.2] Theo nội dung “Giấy mượn tiền” do nguyên đơn cung cấp thể hiện: Ngày 25/6/2020 (âm lịch), ông Nguyễn Văn T1 và vợ là bà Nguyễn Thị D có mượn của bà Nguyễn Thị Trúc T số tiền 193.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 2%/tháng, ông T1 bà D có ký tên bên nợ. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành mở các phiên họp về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như tổng đạt kết quả cho ông T1 bà D biết nhưng ông T1 bà D không có ý kiến phản bác đối với các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, căn cứ vào quy định tại Điều 92, 93 Bộ luật tố tụng dân sự xác định đây là các tình tiết sự kiện không phải chứng minh, “giấy mượn tiền” ngày 25/6/2020 (âm lịch) sẽ được đánh giá là chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của bà T là có căn cứ và hợp pháp.

Căn cứ Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định:

*“Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định”.*

Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định:

*“ Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác ”*

Do ông T bà D không T toán nợ gốc và lãi như thỏa thuận là đã vi phạm hợp đồng, làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của bà T nên bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông T1 bà D T toán nợ gốc 193.000.000 đồng và tính lãi theo quy định của pháp luật là có cơ sở chấp nhận.

[2.3] Về lãi suất: Tại phiên tòa, bà T tự nguyện rút đối với yêu cầu tính lãi nên có căn cứ đình chỉ đối với yêu cầu tính lãi.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 71/2021/QĐ-BPKCTT ngày 01/4/2021 về việc phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ đối với quyền sử dụng đất diện tích 438,1m<sup>2</sup>, thửa số 24, tờ bản đồ số 27 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1304/fH (số phát hành: 431982), do Ủy ban nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang cấp ngày 17/5/2012 cho ông Nguyễn Văn T1 và bà Nguyễn Thị D theo đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời ngày 01/4/2021 của bà T.

Tại phiên tòa, bà T yêu cầu tiếp tục duy trì việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trên của Tòa án để bảo đảm tài sản T1 hành án. Do yêu cầu khởi kiện của bà T được chấp nhận, ông T1 bà D phải thực hiện nghĩa vụ trả số tiền 193.000.000 đồng nên yêu cầu tiếp tục duy trì việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời là có cơ sở chấp nhận.

[4] Đối với số tiền 40.000.000 đồng (*Bốn mươi triệu đồng*) mà bà T đã nộp vào tài khoản số 2260130447174 tại Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – chi nhánh An Giang – PGD Thoại Sơn theo Quyết định buộc thực hiện bảo đảm số 70/2021/QĐ-BPBD ngày 01/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn. Do số tiền trên bà T nộp nhằm mục đích bồi thường T1ết hại trong trường hợp bà T yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời không đúng gây T1ết hại cho người bị áp dụng hoặc người thứ ba. Nhưng yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của bà T là đúng quy định pháp luật và tại phiên tòa yêu cầu khởi kiện của bà T được chấp nhận nên Hội đồng xét xử xét thấy không cần T1ết tiếp tục duy trì Quyết định buộc thực hiện bảo đảm số 70/2021/QĐ-BPBD ngày 01/4/2021. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định hủy Quyết định buộc thực hiện bảo đảm số 70/2021/QĐ-BPBD ngày 01/4/2021. Hoàn trả lại số tiền 40.000.000 đồng và lãi suất phát sinh (nếu có) trong tài khoản số 2260130447174 tại Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – chi nhánh An Giang – PGD Thoại Sơn cho bà T khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 112, 126, 142, khoản 1 Điều 147, Điều 227, 228, 235, 244, 271, 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

*Căn cứ Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;*

*Căn cứ khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.*

**Xử:**

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Trúc T với bị đơn là ông Nguyễn Văn T1 và bà Nguyễn Thị D.

Buộc ông Nguyễn Văn T1 và bà Nguyễn Thị D có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Trúc T số tiền 193.000.000 (*Một trăm chín mươi ba triệu*) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi T1 hành án xong, bên phải T1 hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải T1 hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ đối với yêu cầu tính lãi.

3. Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định số 71/2021/QĐ-BPKCTT ngày 01/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ. Tài sản phong tỏa là diện tích 438,1m<sup>2</sup>, đất tọa lạc tại ấp Phú Hùng, xã Tây Phú, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1304/fH, số phát hành: 431982, thửa số 24, tờ bản đồ số 27, do UBND huyện Thoại Sơn cấp ngày 17/5/2012 cho ông Nguyễn Văn T1 và bà Nguyễn Thị D đứng tên.

4. Hủy Quyết định buộc thực hiện bảo đảm số 70/2021/QĐ-BPBD ngày 01/4/2021. Hoàn trả lại số tiền 40.000.000 đồng (*Bốn mươi triệu đồng*) và lãi suất phát sinh (nếu có) trong tài khoản số số 2260130447174 tại Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – chi nhánh An Giang – PGD Thoại Sơn cho bà Nguyễn Thị Trúc T khi bản án có hiệu lực pháp luật.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn T1 và bà Nguyễn Thị D phải chịu 9.650.000 (*Chín triệu sáu trăm năm mươi nghìn*) đồng án phí sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị Trúc T được nhận lại 4.825.000 (*Bốn triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn*) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2019/0008298 ngày 01/4/2021 của Chi cục T1 hành án dân sự huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

*Trong trường hợp bản án, quyết định được T1 hành theo quy định tại Điều 2 Luật T1 hành án dân sự thì người được T1 hành án dân sự, người phải T1 hành án dân sự có quyền thỏa thuận T1 hành án, quyền yêu cầu T1 hành án, tự nguyện T1 hành án hoặc bị cưỡng chế T1 hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật T1 hành án dân sự; thời hiệu T1 hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật T1 hành án dân sự.*

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Thoại Sơn;
- THADS huyện Thoại Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Trần Thị Mỹ Linh**